

Số: *1659*/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *23* tháng *9* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số *622*/TTr-TNMT ngày *22/9* /2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Vàng Văn Cam – Cư trú tại: Bản Cánh Đẳng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 153.382.060 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn không trăm sáu mươi đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Vàng Văn Cam có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

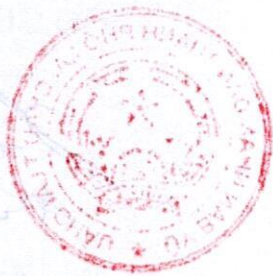
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



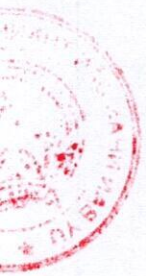
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Bổ sung lần 2)

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hộ ông: Vàng Văn Cam (hiện trạng ông Đoàn Khắc Chính đang sử dụng)				
	Địa chỉ: Bản Căng Đăng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				153.382.060
a	Về đất				4.238.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	121,1		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	121,1	35.000	4.238.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Đất ông Vàng Văn Cam có nguồn gốc; Nhận tặng cho chuyển nhượng QSD đất nông nghiệp của ông Vàng Văn Dim năm 2002. Đất ông Dim khai hoang sử dụng trước năm 1993 vào mục đích đất trồng cây hàng năm từ đó đến nay. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				135.978.954
	<i>(Toàn bộ tài sản trên đất của ông Vàng Văn Cam do ông Đoàn Khắc Chính tạo lập năm 2013 (ông Chính nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Vàng Văn Cam sau thời điểm ngày 1/1/2008, không có giấy tờ chuyển nhượng theo quy định pháp luật, không đủ điều kiện quy chủ, bồi thường); Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính; Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất; tài sản sử dụng ổn định, không đúng mục đích sử dụng, không tranh chấp)</i>				
	Phần tài sản nằm trên đất thu hồi				
1	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,2*50,5)	m ²	111,1	127.600	14.176.360
2	Kè đá xây (chân tường) (50,5*0,5*0,8)	m ³	20,2	392.700	7.932.540
3	Khung thép lưới B40 (50,5*1,5)	m ²	75,8	123.200	9.332.400
4	Bóc tách từ bể chứa nước	m ²			-
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (16*1)	m ²	16,0	127.600	2.041.600
	Nền BT đá dăm dày 10 cm (6*3)	m ²	18,0	83.600	1.504.800
	Trát VXM đánh màu (16*1)*2	m ²	32,0	31.900	1.020.800
5	Nhà khung lưới tinh bằng hàng rào sắt thép hộp (50*0,5)	m ²	25	255.000	6.375.000
6	Ống nhựa HDPE Φ 40 dày 2mm	m	6,0	22.700	136.200
7	Cổng sắt (4,5*2,7)	m ²	12,2	825.000	10.023.750
8	Trụ cổng BTCT (0,6*0,6*3,9)*2	m ³	2,8	1.393.700	3.913.510
9	Cổng sắt (2*1,8)	m ²	3,6	825.000	2.970.000
10	Bán mái xây gạch bi tường 18 cm mái lợp tôn lạnh nền láng VXM cao 3,2m (24,1*2,9)	m ²	69,9	563.200	39.362.048
11	Cửa xếp (2,9*5,2)	m ²	15,1	825.000	12.441.000
12	Cửa xếp (2,5*2,5)*2	m ²	12,5	825.000	10.312.500
13	Cột điện BTCT (D=0,25, H=7m)	m ³	0,34	1.393.700	478.649





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
14	Trụ công BTCT (0,6*0,6*4)*3	m ³	4,3	1.393.700	6.020.784
15	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,8*6,5)	m ²	18,2	83.600	1.521.520
16	Bể nước xây gạch đỏ tường 11 nắp BTCT (1,2*1,2*1)	m ³	1,4	842.600	1.213.344
17	Máng tôn	m	24,0	48.300	1.159.200
18	Ống nhựa PVC Φ 110	m	2,5	66.500	166.250
19	Cầu kiện sắt thép (1,2*1,2)	m ²	1,4	825.000	1.188.000
20	Tôn bưng (2,9*1)	m ²	2,9	57.000	165.300
21	Ống nhựa PVC Φ 21	m	4,0	12.100	48.400
22	Cửa sắt (1,5*2)	m ²	3,0	825.000	2.475.000
c	Về cây cối hoa màu				449.106
1	Cây xoan D35; h 7m: 1 cây	đồng/m ³	0,7	480.000	323.106
2	Cây lấy gỗ D=10-25 cm	Cây6	3,0	42.000	126.000
d	Về chính sách hỗ trợ				12.715.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	đồng/ hộ	121,1	105.000	12.715.500



